

Bản án số: 51/2022/DS-ST

Ngày: 30-6-2022

V/v Tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Truyền.

2. Bà Dương Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa:
Ông **Bùi Quốc Việt** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **NHĐA**; Địa chỉ trụ sở: Số 130, đường Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ phòng giao dịch: Số 47/5A, đường Hùng Vương, khu phố 4, phường LH, thị xã Hòa T hành, tỉnh TN;

Đại diện theo pháp luật: Ông **VMT**; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Đại diện theo ủy quyền: Ông **NTT**; Chức vụ: Tổng Giám đốc (Theo Quyết định ủy quyền số 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Á);

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông NTT: Bà **NTHL** – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch (Theo Quyết định ủy quyền số 1240/QĐ-DAB-PC ngày 09/10/2019 của Tổng Giám đốc);

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà NTHL: Bà **NTH** – Chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh (Theo Giấy ủy quyền ngày 02/3/2022) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Ông NTV, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 15 Bùi Hữu Nghĩa, khu phố 7, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh BT (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà NTH trình bày:

Ngày 22/12/2017, Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh TN – Phòng giao dịch LH (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0023075/0130729101T17005 với ông NTV để cho ông V vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay vốn là để tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2021), lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn là 8%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 15,68%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phương thức cho vay là cho vay từng lần, phương thức thanh toán là trả góp thành 48 kỳ bằng nhau với ngày đầu thanh toán là 22/01/2018. Trong quá trình vay, từ ngày 22/12/2017 đến ngày 05/7/2021 trả được tổng số tiền 129.725.561 đồng (trong đó gồm 87.095.238 đồng tiền vốn, 42.630.323 tiền lãi trong hạn). Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông V tất toán khoản vay nhưng ông V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn lại của ông V sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu ông V trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2022 là 154.614.925 đồng (trong đó gồm 112.904.762 đồng tiền nợ gốc, lãi trong hạn là 21.369.677 đồng và lãi quá hạn là 20.340.486 đồng) và yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ ngày 01/7/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng vay số 0023075/0130729101T17005 ngày 22/12/2017.

- Tại Bản tự khai đề ngày 26/4/2022 của ông NTV và Biên bản ghi lời khai đề ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh BT đã tiến hành lấy lời khai của ông V. Ông V trình bày như sau:

Ngày 22/12/2017 giữa NHĐA – Chi nhánh TN – Phòng giao dịch LH và ông NTV có ký hợp đồng tín dụng số 0023075/0130729101T17005, nội dung: Ngân hàng cho ông V vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 08%/năm, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay để tiêu dùng, vay tín chấp theo hình thức dư nợ giảm dần, ông V thừa nhận có vay Ngân hàng Đông Á số tiền 200.000.000 đồng, đã trả 87.095.238 đồng nợ gốc, còn nợ lại 112.904.762 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông trả nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng thì ông đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ

lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là bà Hồng và bị đơn ông V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ông V thừa nhận có vay tiền Ngân hàng và đồng ý trả số tiền nợ gốc 112.904.762 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng theo yêu cầu của ngân hàng, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V trả số tiền nợ gốc 112.904.762 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHĐA, buộc ông NTV có trách nhiệm trả cho NHĐA số tiền 112.904.762 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án và xác định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: NHĐA khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông NTV có địa chỉ cư trú tại số 15, đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh BT. Tại mục 13.1 Điều 13 của Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00232075/0130729101T17005 ngày 22/12/2017 được ký kết giữa NHĐA – Chi nhánh TN – Phòng giao dịch LH với ông NTV, các bên thỏa thuận với nhau trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nơi Phòng giao dịch LH đặt trụ sở. Do đó, căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là bà NTH và bị đơn ông NTV vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Hồng, ông V là đúng với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 22/12/2017, giữa NHĐA và ông NTV có ký hợp đồng tín dụng số 0023075/0130729101T17005, nội dung: Ngân hàng cho ông V vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 08%/năm, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay để tiêu dùng, vay tín chấp theo hình thức dư nợ giảm dần. Ngân hàng trình bày từ ngày vay 22/12/2017 đến ngày 05/7/2021 ông V trả được số tiền gốc 87.095.238 đồng, lãi trong hạn 42.630.323 đồng, tổng cộng 129.752.561 đồng. Hiện ông V còn nợ 112.904.762 đồng nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín

dụng nên khởi kiện yêu cầu ông V trả số tiền này. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông V tắt toán khoản vay nhưng ông V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn lại của ông V sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu ông V trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2022 là 154.614.925 đồng (trong đó gồm 112.904.762 đồng tiền nợ gốc, lãi trong hạn là 21.369.677 đồng và lãi quá hạn là 20.340.486 đồng) và yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ ngày 01/7/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng vay số 0023075/0130729101T17005 ngày 22/12/2017.

[3.1] Xét về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, thấy rằng: Theo Giấy vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 11/12/2017 (bút lục 13) và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đột vay 0023075/0130729101T17005 (bút lục 18), Bảng dự tính thu theo Rule78 (bút lục 14), Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00232075/0130729101T17005 ngày 22/12/2017 (bút lục 16, 17) thì NHĐA thỏa thuận cấp cho bị đơn ông NTV hạn mức vay là 200.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V đã thanh toán được cho Ngân hàng 87.095.238 đồng nợ gốc, còn nợ lại 112.904.762 đồng và không tắt toán khoản nợ cho Ngân hàng nên phát sinh tranh chấp, đây là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Ông V thừa nhận có vay tiền Ngân hàng và đồng ý trả số tiền nợ gốc 112.904.762 đồng nhưng không tắt toán khoản vay cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét về nghĩa vụ thanh toán nợ lãi, thấy rằng: Theo Mục III của giấy Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 11/12/2017 (bút lục 13), ông V cam kết thanh toán vốn và lãi đúng hạn theo quy định, trường hợp thanh toán trễ hạn bị đơn đồng ý chịu thêm lãi quá hạn theo quy định. Ngoài ra, theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00232075/0130729101T17005 ngày 22/12/2017 (bút lục 16, 17) thì các bên thỏa thuận mức lãi suất là 08%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 15,68%/năm; Mức lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn là 12%/năm.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 12/2010/TT-NHN ngày 14/4/2010 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Do đó, mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng,

yêu cầu ông V thanh toán tổng số nợ còn thiếu và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2022 là 154.614.925 đồng (trong đó gồm 112.904.762 đồng tiền nợ gốc, lãi trong hạn là 21.369.677 đồng và lãi quá hạn là 20.340.486 đồng) và yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ ngày 01/7/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng vay số 00232075/0130729101T17005 ngày 22/12/2017. Ngoài ra, ông V còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên tổng số tiền nợ gốc từ ngày 01/7/2022 theo Mục III của Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 11/12/2017 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp ngày 22/12/2017.

[4] Về án phí: Ông V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 274, Điều 275, Điều 277, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHĐA đối với ông NTV.

Buộc ông NTV có nghĩa vụ trả cho NHĐA số nợ gốc còn thiếu và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2022, gồm: 112.904.762 đồng tiền nợ gốc, lãi trong hạn là 21.369.677 đồng và lãi quá hạn là 20.340.486 đồng, tổng cộng là 154.614.925 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm mười bốn nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 01/7/2022, ông V còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00232075/0130729101T17005 ngày 22/12/2017 được ký kết giữa NHĐA – Chi nhánh TN – Phòng giao dịch LH với ông V cho đến khi trả xong số tiền nợ trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông NTV phải chịu 7.731.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng).

NHĐA được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.805.000 đồng (Ba triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020588 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN.

3. NHĐA, ông NTV được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1
- TAND tỉnh TN.
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- VKSND thị xã HT;
- CC.THADS thị xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thị Bích Vân